

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2022

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Xuân Lộc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Đình Đạt.

Bà Phạm Thị Tuyết Trinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2021/QĐXX-ST ngày 08/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2021/QĐ-ST ngày 24/12/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh ngày 19/6/1991 (vắng mặt)  
HKTT: thôn X, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: thôn T, xã K, Tp.L, tỉnh Hải Dương.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh ngày 28/10/1990 (vắng mặt)  
HKTT: thôn X, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Hiện nay đang lao động tại nước ngoài.

Địa chỉ cuối cùng của anh N tại Việt Nam: thôn X, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Trước khi kết hôn hai anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương.

Hai vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 20/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang nơi anh N đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh N làm dâu ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận. Tháng 8/2018 anh N đi lao động tại nước ngoài (ĐL). Sau khi anh N đi lao động hai vợ chồng vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm nhưng đến tháng 12/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn, hai vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng hai vợ chồng đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 9 năm 2019 đến nay, chị và anh N không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, không ai quan tâm đến ai, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 07/9/2012 và cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/4/2015. Hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng chị tại nhà bố mẹ đẻ. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn. Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Nguyễn Văn N là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.*

Tại biên bản làm việc ngày 06/12/2021 và 24/12/2021: bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn N cho biết anh N hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Nước ngoài (ĐL). Về quan hệ hôn nhân bà cho biết: Chị M, anh N đăng ký kết hôn ngày 20/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị M về nhà bà làm dâu ngay và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Khoảng tháng 8/2018 anh N đi lao động tại Nước ngoài (ĐL). Sau khi anh N đi được một thời gian thì bà thấy chị M nói mâu thuẫn với chồng và chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống kể từ đó. Bà có khuyên bảo nhưng anh N, chị M không thống nhất được với nhau. Về con chung: Vợ chồng anh N, chị M có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 07/9/2012 và cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/4/2015. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị M tại nhà bố đẻ chị M; về tài sản chung, công nợ bà không biết.

*Cháu Nguyễn Văn Q có đơn trình bày:* Cháu hiện đang ở cùng mẹ, cháu được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt vì vậy nêu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin ở cùng với mẹ.

*Tại phiên tòa, Chị Nguyễn Thị M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.*

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị M; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn N và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị M có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh N không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh N. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh N là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Do anh N hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 07/9/2012 và cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/4/2015 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do chị M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viên kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh N là bà Nguyễn Thị Đ để giao thông báo thụ lý vụ án và đề nghị bà Đ thông báo cho anh N biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn N. Bà Đ cho biết anh N vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh N không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh N tại nước ngoài (ĐL). Vì vậy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo Công văn trả lời số 28568/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 25/11/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh N xuất cảnh gần đây nhất là ngày 01/8/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Do đó, anh N được xác định là đang ở nước ngoài. Ngoài ra, lời khai của nguyên đơn, mẹ đẻ bị đơn xác định được nơi cư trú cuối cùng của anh N ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn X, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Anh N, chị M đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M với anh Nguyễn Văn N. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị M và anh N chung sống với nhau hòa thuận tại gia đình nhà chồng, sau đó anh N đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài (ĐL). Thời gian đầu vợ chồng vẫn hoàn thuận, nhưng từ tháng 12/2019 đến nay, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh N được ly hôn. Do đó, cần xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, cho chị

M và anh N được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: Chị M và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 07/9/2012 và cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/4/2015. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị M và do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị M có nguyện vọng nuôi cả hai con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị M: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh N đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh N từ khi đi nước ngoài thì cháu Q, cháu T vẫn do chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Mặt khác cháu Q trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Nên căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M đề nghị được nuôi con chung là Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn T. Giao cho chị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Nguyễn Văn Q và cháu Nguyễn Văn T đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh Nguyễn Văn N về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 07/9/2012 và cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/4/2015 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn N người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000165 ngày 19/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn N hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã L, huyện N;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Xuân Lộc**